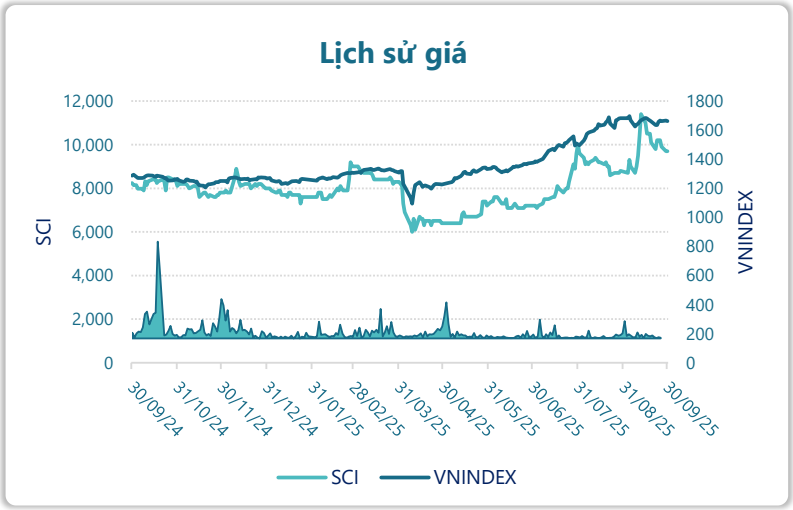
FireAnt

CTCP SCI E&C (HNX: SCI)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**9,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	6,000
SL cổ phiếu LH	30,491,409
KLGD BQ 20 phiên (CP)	169,385
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	296
P/E	-31.9
EPS	-304

DT thuần

Q3/25

201

tỷ VNĐ

QoQ: ▼75.0| -27.1%

YoY: ▼36.0| -15.1%

LN sau thuế

Q3/25

7.83

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.31| -3.8%

YoY: ▲ 7.33| 1467%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

6.5%

+/- YoY: ▲ 2.2%

DT thuần

9T 2025

690

tỷ VNĐ

YoY: ▼83.0| -10.7%

LN sau thuế

9T 2025

-4.08

tỷ VNĐ

YoY: ▼9.28| -178%

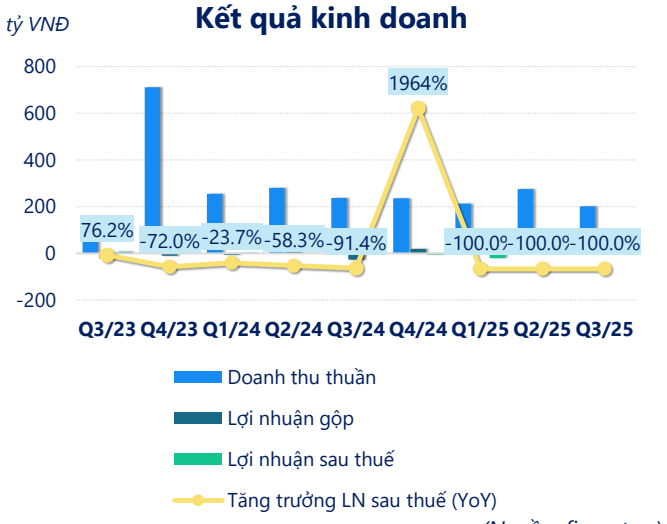
ROE

Q3/25

-1.9%

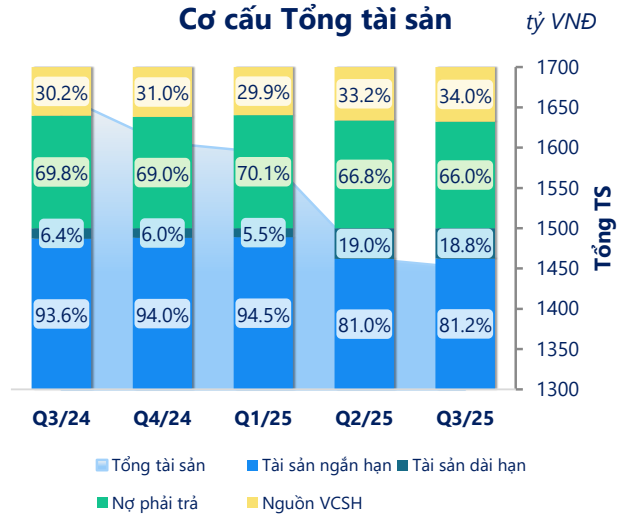
+/- YoY: ▼ 3.4%

Kết quả kinh doanh



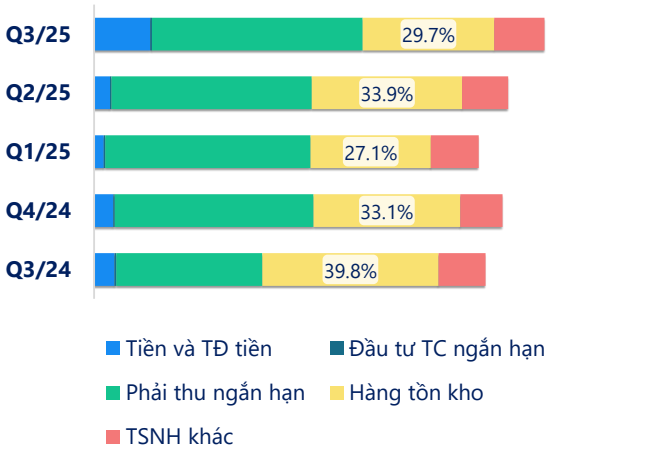
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



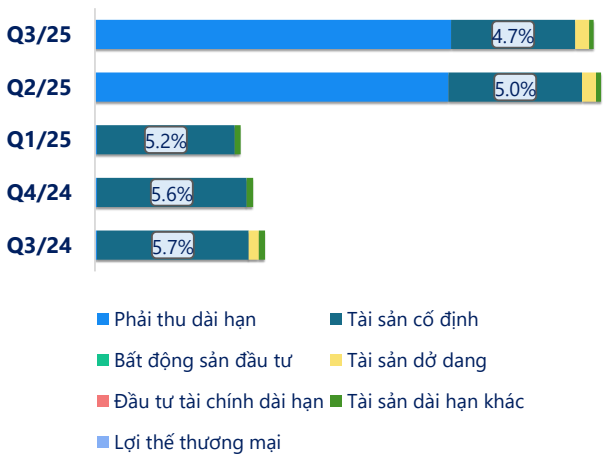
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



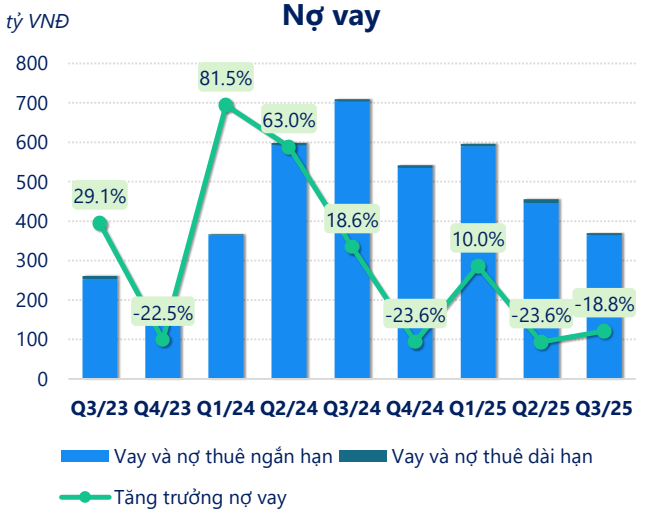
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



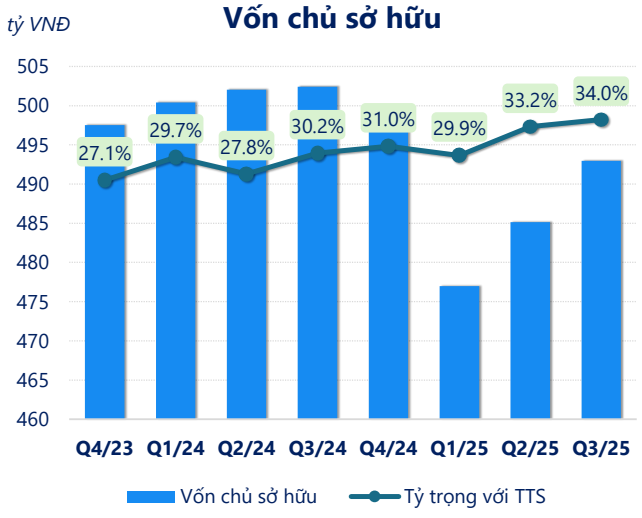
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



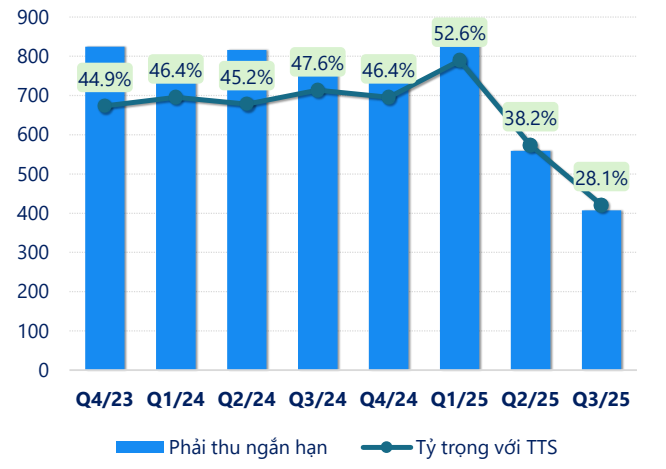
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



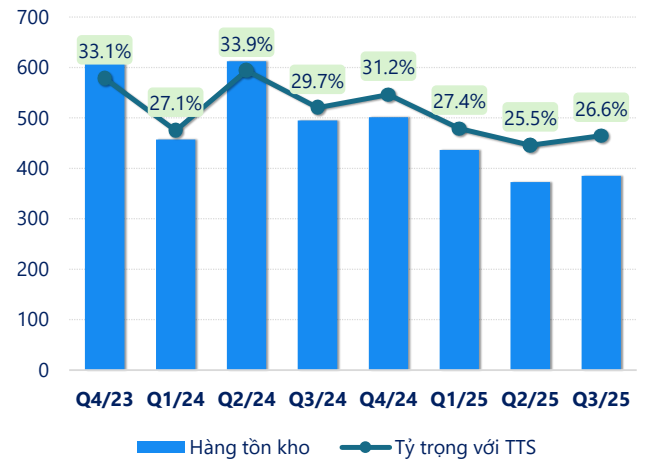
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



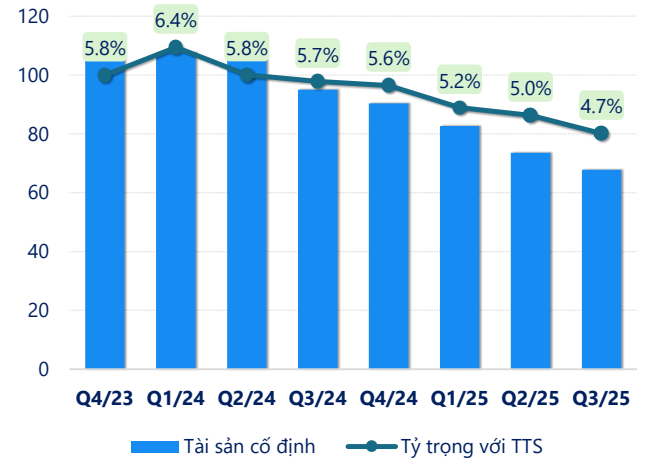
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



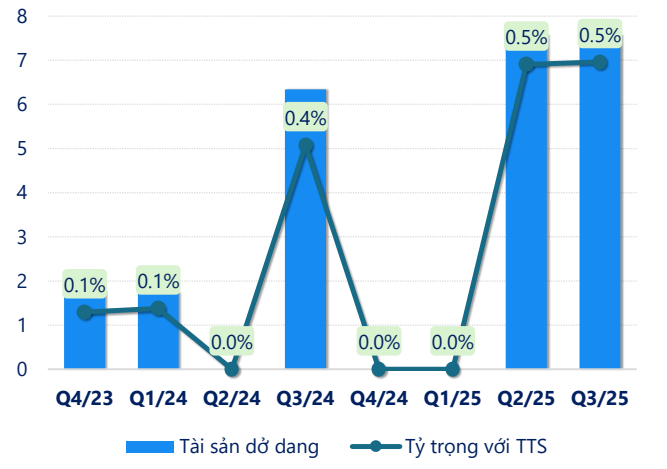
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



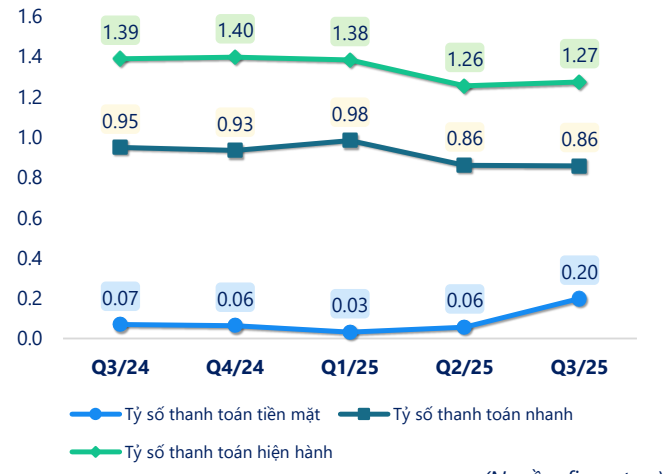
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



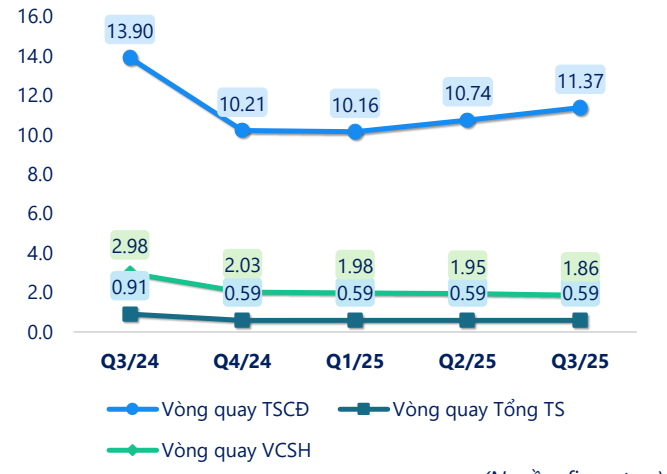
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,665**	**1,606**	**1,594**	**1,463**	**1,451**
Tài sản ngắn hạn	**1,558**	**1,511**	**1,507**	**1,184**	**1,179**
Tiền và tương đương tiền	77.0	69.2	34.5	52.4	184
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.18	6.30	6.30	6.45	6.45
Phải thu ngắn hạn	792	745	839	559	407
Hàng tồn kho	495	501	436	373	385
Tài sản ngắn hạn khác	188	189	191	193	196
Tài sản dài hạn	**106**	**95.7**	**87.3**	**278**	**272**
Phải thu dài hạn	1.31	1.24	1.18	194	194
Tài sản cố định	95.0	90.4	82.7	73.6	67.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.34	0	0	7.58	7.58
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.81	4.03	3.45	2.87	2.47
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,162**	**1,109**	**1,117**	**977**	**958**
Nợ ngắn hạn	**1,121**	**1,081**	**1,089**	**943**	**925**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	704	535	590	446	364
Phải trả người bán ngắn hạn	169	178	142	141	143
Nợ dài hạn	41.6	28.2	28.6	34.2	32.8
Vay và nợ thuê dài hạn	5.55	7.18	5.88	9.31	6.41
Nguồn vốn chủ sở hữu	**502**	**497**	**477**	**485**	**493**
Vốn chủ sở hữu	**502**	**497**	**477**	**485**	**493**
Vốn điều lệ	254	305	305	305	305
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)